

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT
DẦU KHÍ TÂY NAM BỘ**

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 20

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Quý Hiền	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đức Hiền	Ủy viên
Ông Trần Văn Thắng	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 03 tháng 4 năm 2014)
Ông Hoàng Văn Nhã	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 03 tháng 4 năm 2014)
Bà Trương Thị Dung	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 03 tháng 4 năm 2014)
Ông Bùi Quang Phú Điền	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2014)
Ông Đoàn Quốc Thịnh	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Đức Hiền	Giám đốc
Ông Bùi Quang Phú Điền	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2014)
Ông Trần Văn Thắng	Phó Giám đốc
Ông Lê Kiên Định	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2014)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Đức Hiền
Giám đốc

Ngày 02 tháng 3 năm 2015
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Số: 568 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 02 tháng 3 năm 2015, từ trang 03 đến trang 20 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là “báo cáo tài chính”).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Khúc Thị Lan Anh
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0036-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 02 tháng 3 năm 2015
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Trần Huy Công
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0891-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		219.665.620.449	199.367.269.930
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	66.790.824.151	114.935.909.354
1. Tiền	111		1.790.824.151	4.935.909.354
2. Các khoản tương đương tiền	112		65.000.000.000	110.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		75.734.593.646	10.177.822.015
1. Phải thu khách hàng	131		75.456.432.534	6.620.754.049
2. Trả trước cho người bán	132		27.500.000	3.136.417.100
3. Các khoản phải thu khác	135		250.661.112	420.650.866
III. Hàng tồn kho	140	6	76.601.942.378	73.218.020.500
1. Hàng tồn kho	141		76.601.942.378	76.645.088.446
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(3.427.067.946)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		538.260.274	1.035.518.061
1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		523.260.274	553.048.061
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		15.000.000	482.470.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+240+260)	200		49.069.103.668	34.980.063.031
I. Tài sản cố định	220		38.204.736.878	23.564.406.000
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	22.288.766.753	17.436.633.375
- Nguyên giá	222		32.570.817.037	23.481.021.809
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.282.050.284)	(6.044.388.434)
2. Tài sản cố định vô hình	227	8	15.915.970.125	6.127.772.625
- Nguyên giá	228		15.915.970.125	6.127.772.625
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
II. Bất động sản đầu tư	240	9	10.438.812.547	10.599.948.268
- Nguyên giá	241		11.480.389.000	11.480.389.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(1.041.576.453)	(880.440.732)
III. Tài sản dài hạn khác	260		425.554.243	815.708.763
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		422.554.243	812.708.763
2. Tài sản dài hạn khác	268		3.000.000	3.000.000
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		268.734.724.117	234.347.332.961

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ TÂY NAM BỘ

151/18 Trần Hoàng Na, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều

Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)


Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		54.441.130.213	21.631.093.399
I. Nợ ngắn hạn	310		54.441.130.213	21.631.093.399
1. Phải trả người bán	312		33.707.300.090	7.410.013.128
2. Người mua trả tiền trước	313		897.444.614	573.804.418
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	10	2.365.202.857	3.022.255.856
4. Phải trả người lao động	315		3.485.439.934	3.848.758.960
5. Chi phí phải trả	316		266.322.121	717.423.159
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	11	11.087.269.805	3.636.582.000
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.632.150.792	2.422.255.878
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		214.293.593.904	212.716.239.562
I. Vốn chủ sở hữu	410	12	214.293.593.904	212.716.239.562
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		170.000.000.000	170.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		9.475.215.861	9.475.215.861
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		7.851.645.539	6.257.296.583
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		26.966.732.504	26.983.727.118
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		268.734.724.117	234.347.332.961


 Ngô Thị Hồng Nga
 Người lập biểu


 Nguyễn Thành Công
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Đức Hiền
 Giám đốc


Ngày 02 tháng 3 năm 2015


Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 02-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2014	2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	14	2.569.798.252.805	2.894.295.531.957
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	14	21.600.261.723	4.270.370.324
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	14	2.548.197.991.082	2.890.025.161.633
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	15	2.470.497.743.018	2.811.818.221.278
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		77.700.248.064	78.206.940.355
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	16	5.857.240.200	7.164.282.733
7. Chi phí tài chính	22		-	27.222.222
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	27.222.222
8. Chi phí bán hàng	24		20.829.191.143	21.287.520.439
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		21.814.384.475	23.450.246.117
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		40.913.912.646	40.606.234.310
11. Thu nhập khác	31		2.727.274	18.045.455
12. Chi phí khác	32		-	453.381
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		2.727.274	17.592.074
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		40.916.639.920	40.623.826.384
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	18	9.029.660.798	10.230.053.335
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		31.886.979.122	30.393.773.049
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1.876	1.788


 Ngô Thị Hồng Nga
 Người lập biểu


 Nguyễn Thành Công
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Đức Hiền
 Giám đốc



Ngày 02 tháng 3 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 03-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2014	2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	40.916.639.920	40.623.826.384
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	4.398.797.571	4.083.573.146
Các khoản dự phòng	03	(3.427.067.946)	(259.404.539)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(5.857.240.200)	(7.164.282.733)
Chi phí lãi vay	06	-	27.222.222
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	36.031.129.345	37.310.934.480
Thay đổi các khoản phải thu	09	(65.091.516.498)	64.059.714.069
Thay đổi hàng tồn kho	10	43.146.068	(24.391.986.410)
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	35.402.822.598	(17.875.176.626)
Thay đổi chi phí trả trước	12	390.154.520	919.623.840
Tiền lãi vay đã trả	13	-	(27.222.222)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(9.788.569.496)	(9.823.949.901)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	3.135.644.750
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(4.599.729.866)	(10.170.442.229)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(7.612.563.329)	43.137.139.751
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(18.718.645.628)	(2.587.513.392)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.729.895.754	7.540.866.067
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(12.988.749.874)	4.953.352.675
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(20.000.000.000)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho các cổ đông	36	(27.543.772.000)	(22.644.968.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(27.543.772.000)	(42.644.968.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(48.145.085.203)	5.445.524.426
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	114.935.909.354	109.490.384.928
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	66.790.824.151	114.935.909.354

Ngô Thị Hồng Nga

Ngô Thị Hồng Nga
 Người lập biểu

Ngày 02 tháng 3 năm 2015

Nguyễn Thành Công

Nguyễn Thành Công
 Kế toán trưởng



Nguyễn Đức Hiền
 Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ TÂY NAM BỘ

151/18 Trần Hoàng Na, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ (“Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1800722461 ngày 31 tháng 12 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 7 ngày 02 tháng 01 năm 2013. Công ty được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ - được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1800722461 ngày 15 tháng 8 năm 2008.

Cổ đông chính của Công ty là Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty cổ phần (“Tổng Công ty”).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 65 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 67 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty bao gồm: Kinh doanh các loại phân bón; Sản xuất phân bón và hợp chất Ni tơ; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Bốc xếp hàng hóa; Đại lý, môi giới, đấu giá; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Quảng cáo (chi tiết thực hiện các dịch vụ quảng cáo trên các phương tiện truyền thông đại chúng, pano, bảng hiệu tại điểm bán hàng, hội chợ, triển lãm, các phương tiện giao thông, các hoạt động quảng cáo thuộc lĩnh vực nông nghiệp; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Bán buôn vật tư nông nghiệp, giống, hạt giống cây trồng, con giống thủy hải sản các loại; Dịch vụ kỹ thuật trong sản xuất kinh doanh phân bón và các sản phẩm hóa chất khác có liên quan; Xuất nhập khẩu phân bón, hóa chất và các sản phẩm hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp, hàng nông lâm thủy hải sản.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến các báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua hàng hóa và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua hàng hóa, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 10
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	3 - 7

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình phản ánh giá trị quyền sử dụng đất của kho Đồng Tháp và Tòa nhà Văn phòng tại số 151/18 đường Trần Hoàng Na, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, tuy nhiên Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất vô thời hạn.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác.

Bất động sản đầu tư được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 10 năm. Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất vô thời hạn.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng và chi phí sửa chữa có giá trị lớn, các chi phí này được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại phải được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 22% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ TÂY NAM BỘ

151/18 Trần Hoàng Na, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều

Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế (Tiếp theo)**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tiền mặt	79.633.128	170.327.469
Tiền gửi ngân hàng	1.711.191.023	4.765.581.885
Các khoản tương đương tiền	65.000.000.000	110.000.000.000
	66.790.824.151	114.935.909.354

Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,8% đến 5,2%/năm.

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	-	45.947.955
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	886.011.676	390.462.000
Hàng hóa	75.715.930.702	76.208.678.491
	76.601.942.378	76.645.088.446
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(3.427.067.946)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	76.601.942.378	73.218.020.500

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ TÂY NAM BỘ151/18 Trần Hoàng Na, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2014	17.652.402.219	4.130.301.818	1.698.317.772	23.481.021.809
Mua trong năm	8.163.288.864	-	926.506.364	9.089.795.228
Tại ngày 31/12/2014	<u>25.815.691.083</u>	<u>4.130.301.818</u>	<u>2.624.824.136</u>	<u>32.570.817.037</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2014	3.688.696.970	1.053.675.853	1.302.015.611	6.044.388.434
Khấu hao trong năm	3.145.428.314	688.114.077	404.119.459	4.237.661.850
Tại ngày 31/12/2014	<u>6.834.125.284</u>	<u>1.741.789.930</u>	<u>1.706.135.070</u>	<u>10.282.050.284</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2014	<u><u>18.981.565.799</u></u>	<u><u>2.388.511.888</u></u>	<u><u>918.689.066</u></u>	<u><u>22.288.766.753</u></u>
Tại ngày 31/12/2013	<u>13.963.705.249</u>	<u>3.076.625.965</u>	<u>396.302.161</u>	<u>17.436.633.375</u>

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 với giá trị là 1.043.091.027 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 816.688.000 đồng).

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2014	6.127.772.625	6.127.772.625
Tăng trong năm	9.788.197.500	9.788.197.500
Tại ngày 31/12/2014	<u>15.915.970.125</u>	<u>15.915.970.125</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2014	-	-
Khấu hao trong năm	-	-
Tại ngày 31/12/2014	<u>-</u>	<u>-</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 31/12/2014	<u><u>15.915.970.125</u></u>	<u><u>15.915.970.125</u></u>
Tại ngày 31/12/2013	<u>6.127.772.625</u>	<u>6.127.772.625</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ TÂY NAM BỘ151/18 Trần Hoàng Na, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***9. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	Quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2014	9.714.364.000	1.766.025.000	11.480.389.000
Tại ngày 31/12/2014	9.714.364.000	1.766.025.000	11.480.389.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2014	-	880.440.732	880.440.732
Khấu hao trong năm	-	161.135.721	161.135.721
Tại ngày 31/12/2014	-	1.041.576.453	1.041.576.453
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2014	9.714.364.000	724.448.547	10.438.812.547
Tại ngày 31/12/2013	9.714.364.000	885.584.268	10.599.948.268

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư nên chưa trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một Công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.237.961.244	2.996.869.942
Thuế thu nhập cá nhân	127.241.613	25.385.914
	2.365.202.857	3.022.255.856

11. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Chiết khấu thương mại	10.151.459.805	-
Cổ tức phải trả	935.810.000	2.979.582.000
Phải trả, phải nộp khác	-	657.000.000
	11.087.269.805	3.636.582.000

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ TÂY NAM BỘ

151/18 Trần Hoàng Na, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều

Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại 01/01/2013	170.000.000.000	9.475.215.861	4.737.607.931	28.515.585.983	212.728.409.775
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	30.393.773.049	30.393.773.049
Phân phối lợi nhuận	-	-	1.519.688.652	(1.519.688.652)	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(4.905.943.262)	(4.905.943.262)
Trả cổ tức	-	-	-	(25.500.000.000)	(25.500.000.000)
Số dư tại 31/12/2013	170.000.000.000	9.475.215.861	6.257.296.583	26.983.727.118	212.716.239.562
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	31.886.979.122	31.886.979.122
Phân phối lợi nhuận (1)	-	-	1.594.348.956	(1.594.348.956)	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (2)	-	-	-	(4.809.624.780)	(4.809.624.780)
Trả cổ tức (3)	-	-	-	(25.500.000.000)	(25.500.000.000)
Số dư tại 31/12/2014	170.000.000.000	9.475.215.861	7.851.645.539	26.966.732.504	214.293.593.904

- (1) Trong năm, theo kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014 được phê duyệt bởi Hội đồng quản trị, Công ty tạm trích Quỹ dự phòng tài chính với số tiền 1.594.348.956 đồng từ lợi nhuận sau thuế năm 2014.
- (2) Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 07/NQ-DHĐCĐ ngày 03 tháng 4 năm 2014, Công ty đã tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi theo tỷ lệ 15% lợi nhuận sau thuế năm 2014, tương ứng 4.783.046.868 đồng và trích bổ sung 10% phần lợi nhuận sau thuế vượt lợi nhuận kế hoạch năm 2014 với số tiền 26.577.912 đồng.
- (3) Theo Nghị quyết số 07/NQ-DHĐCĐ nêu trên, cổ tức năm 2013 được Đại Hội đồng cổ đông phê duyệt là 25.500.000.000 đồng. Năm 2013, Công ty đã chia cho các cổ đông 11.900.000.000 đồng, phần còn lại đã được chia trong năm 2014. Căn cứ vào Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 17/NQ-TNB ngày 14 tháng 10 năm 2014, Công ty tạm chia cổ tức đợt 01 năm 2014 cho cổ đông bằng 7% mệnh giá cổ phần tương đương 11.900.000.000 đồng.

Vốn điều lệ của chủ sở hữu

Vốn điều lệ của Công ty là 170.000.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ, như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp đến ngày 31/12/2014	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	127.500.000.000	75	127.500.000.000	75
Các cổ đông khác	42.500.000.000	25	42.500.000.000	25
	170.000.000.000	100	170.000.000.000	100

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ TÂY NAM BỘ151/18 Trần Hoàng Na, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***12. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

Số lượng cổ phiếu phát hành tại Công ty như sau:

Cổ phiếu	31/12/2014	31/12/2013
Số lượng cổ phiếu đã bán ra		
+ Cổ phiếu phổ thông	17.000.000	17.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu phổ thông	17.000.000	17.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

13. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty chủ yếu là kinh doanh các loại phân bón sử dụng trong nông nghiệp. Theo đó, thông tin tài chính được trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và toàn bộ doanh thu, chi phí được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày là liên quan đến hoạt động kinh doanh các loại phân bón sử dụng trong nông nghiệp. Doanh thu, giá vốn theo từng mặt hàng và hoạt động sản xuất kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh số 14 và số 15.

14. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2014	2013
	VND	VND
Doanh thu URE Phú Mỹ	1.629.287.114.280	1.788.412.995.179
Doanh thu DAP hạt xanh Trung Quốc	150.997.664.247	273.437.831.529
Doanh thu NPK Phú Mỹ	49.644.666.665	5.997.376.195
Doanh thu các loại phân bón khác	728.236.168.850	817.492.542.307
Doanh thu cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	11.632.638.763	8.954.786.747
	2.569.798.252.805	2.894.295.531.957
Chiết khấu thương mại	(21.600.261.723)	(4.270.370.324)
	2.548.197.991.082	2.890.025.161.633

15. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2014	2013
	VND	VND
Giá vốn URE Phú Mỹ	1.541.464.507.896	1.708.851.260.136
Giá vốn DAP hạt xanh Trung Quốc	149.912.814.077	270.876.021.669
Giá vốn NPK Phú Mỹ	47.323.582.788	5.864.239.738
Giá vốn các loại phân bón khác	721.977.689.777	818.189.271.881
Giá vốn dịch vụ và giá vốn khác	9.819.148.480	8.037.427.854
	2.470.497.743.018	2.811.818.221.278

16. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Doanh thu hoạt động tài chính thể hiện khoản thu lãi tiền gửi tại các ngân hàng thương mại trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ TÂY NAM BỘ151/18 Trần Hoàng Na, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***17. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	2014	2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	976.131.698	1.754.162.599
Chi phí nhân công	20.491.319.189	19.981.202.475
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.398.797.571	4.083.573.146
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.996.364.649	17.454.213.037
Chi phí khác	7.617.626.292	8.520.669.865
	50.480.239.399	51.793.821.122

18. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2014	2013
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	40.916.639.920	40.623.826.384
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	127.272.800	296.386.955
Cộng: các khoản chi phí không được khấu trừ	127.272.800	296.386.955
Thu nhập chịu thuế	41.043.912.720	40.920.213.339
Thuế suất	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	9.029.660.798	10.230.053.335
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	9.029.660.798	10.230.053.335

19. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục, vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	66.790.824.151	114.935.909.354
Phải thu khách hàng và phải thu khác	75.637.193.646	6.674.170.715
Tài sản tài chính khác	3.000.000	3.000.000
Tổng cộng	142.431.017.797	121.613.080.069
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	43.858.759.895	7.410.013.128
Chi phí phải trả	266.322.121	717.423.159
Tổng cộng	44.125.082.016	8.127.436.287

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***19. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Các loại công cụ tài chính (Tiếp theo)**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro về giá hàng hóa), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua hàng hóa từ Công ty mẹ - Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần và các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không, theo đó, Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ TÂY NAM BỘ151/18 Trần Hoàng Na, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***19. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng cộng VND
31/12/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	66.790.824.151	-	66.790.824.151
Phải thu khách hàng và phải thu khác	75.637.193.646	-	75.637.193.646
Tài sản tài chính khác	-	3.000.000	3.000.000
Tổng cộng	142.428.017.797	3.000.000	142.431.017.797
31/12/2014			
Phải trả người bán và phải trả khác	43.858.759.895	-	43.858.759.895
Chi phí phải trả	266.322.121	-	266.322.121
Tổng cộng	44.125.082.016	-	44.125.082.016
Chênh lệch thanh khoản thuần	98.302.935.781	3.000.000	98.305.935.781
	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng cộng VND
31/12/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	114.935.909.354	-	114.935.909.354
Phải thu khách hàng và phải thu khác	6.674.170.715	-	6.674.170.715
Tài sản tài chính khác	-	3.000.000	3.000.000
Tổng cộng	121.610.080.069	3.000.000	121.613.080.069
31/12/2013			
Phải trả người bán và phải trả khác	7.410.013.128	-	7.410.013.128
Chi phí phải trả	717.423.159	-	717.423.159
Tổng cộng	8.127.436.287	-	8.127.436.287
Chênh lệch thanh khoản thuần	113.482.643.782	3.000.000	113.485.643.782

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

20. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**Danh sách các bên liên quan:****Bên liên quan**

Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ
Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ
Tập Đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
Công ty Bảo hiểm PVI Tây Nam
Công ty Bảo hiểm PVI Thành phố Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Vận Tải Dầu khí Đông Dương
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cà phê Petec tại tỉnh Đồng Tháp
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long - Chi nhánh Côn Sơn

Mối quan hệ

Công ty mẹ
Chi nhánh trực thuộc Công ty mẹ
Cùng công ty mẹ
Cùng công ty mẹ
Cùng công ty mẹ
Cùng Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam
Cùng Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam
Cùng Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam
Cùng Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam
Cùng Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam
Cùng Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ TÂY NAM BỘ151/18 Trần Hoàng Na, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***20. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2014	2013
	VND	VND
Mua hàng hóa		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	1.606.218.667.716	1.728.169.113.460
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	532.658.838.726	237.510.283.916
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	3.471.630.676	3.367.305.145
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	-	47.051.869.999
Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	313.560.000	-
Mua tài sản cố định		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí - Công ty Cổ phần	17.858.136.364	-
Mua dịch vụ từ các đơn vị trong Tập Đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam		
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	-	15.000.000
Công ty Bảo hiểm PVI Tây Nam	588.866.278	437.283.605
Công ty Bảo hiểm PVI Thành phố Hồ Chí Minh	467.070.500	796.371.456
Công ty Cổ phần Vận Tải Dầu khí Đông Dương	39.682.500	13.546.200
Chi nhánh Côn Sơn - Công ty Cổ phần dịch vụ vận tải Dầu khí Cửu Long	101.406.000	-
Thuê văn phòng		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	468.000.000	624.000.000
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	61.320.000	177.217.500
Chi phí quản lý		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	2.645.299.586	2.950.511.538
Nhận chiết khấu thương mại		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	26.978.961.680	15.721.900.952
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí	4.532.734.795	-
Phí sử dụng nhãn hiệu của Tập đoàn		
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	406.238.264	663.140.683
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cà phê Petec tại tỉnh Đồng Tháp	3.674.541.126	21.437.403.681
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	9.699.812.872	7.770.667.449
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	40.392.857	2.715.119.048
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	671.205.920	-
Bán hàng cho các cổ đông Công ty	1.632.612.668.363	2.024.294.514.539
Chi trả cổ tức		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	19.125.000.000	19.125.000.000
Thu nhập Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:		
Lương và các khoản phúc lợi khác	3.885.432.026	3.713.012.627

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ TÂY NAM BỘ151/18 Trần Hoàng Na, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***20. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, số dư với các bên liên quan như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Phải thu khách hàng		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu Khí - Công ty Cổ phần	3.524.827.678	2.480.649.475
Phải thu khách hàng là cổ đông	51.899.181.231	3.625.000.934
Ứng trước nhà cung cấp		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	-	402.800.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu Khí - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	27.500.000	27.500.000
Phải thu khác		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	69.900.000	367.234.200
Phải trả người bán		
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	32.129.075.051	4.663.127.876
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	604.698.105	1.113.487.920
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	367.461.477	559.777.098
Công ty Bảo hiểm PVI Tây Nam	106.774.433	27.989.182
Chi nhánh Côn Sơn - Công ty Cổ phần dịch vụ vận tải Dầu khí Cửu Long	58.746.600	-
Người mua trả tiền trước		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	-	125.000.000
Người mua trả tiền trước là cổ đông	527.314.241	361.534.418
Phải trả khác		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	-	657.000.000
Phải trả khác cho cổ đông	7.134.548.698	-

21. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty đã được kiểm toán.

**Ngô Thị Hồng Nga**
Người lập biểu

Ngày 02 tháng 3 năm 2015

**Nguyễn Thành Công**
Kế toán trưởng**Nguyễn Đức Hiển**
Giám đốc